

CHƯƠNG 2 : PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

❖ PHÂN TÍCH HỆ THỐNG

1. Mục đích và phạm vi

1.1 Mục đích :

- Phát triển một ứng dụng web cho phép khách hàng có thể đặt trước vé, thêm đồ ăn vào giỏ hàng và gửi mail xác thực cho người dùng . Cho phép quản trị viên quản lý thêm sửa xóa các bộ phim, các lịch chiếu, rạp phim, thể loại, đồ ăn, khuyến mãi.

1.2 Phạm vi :

- Kiểu ứng dụng : một trang web trực tuyến.
- Phạm vi áp dụng :
 - Những người có truy cập trang web trực tuyến.
 - Quản trị viên sau khi đăng nhập vào hệ thống.
- Phạm vi người dùng :
 - Khách hàng.
 - Nhân viên quản trị hệ thống.
- Phạm vi chức năng :
 - Cho phép đặt trước vé xem phim.
 - Cho phép thêm sửa xóa các chức năng như lịch chiếu, rạp phim, thể loại, phim, đồ ăn, khuyến mãi.

2. Ai làm gì :

- Nhân viên quản lý :
 - Cho phép quản lý thêm sửa xóa, tạo, chỉnh sửa các chức năng phía backend
- Khách hàng :
 - Có thể xem các bộ phim đang được khởi chiếu, sắp được khởi chiếu.
 - Có thể xem lịch chiếu bộ phim đang được khởi chiếu
 - Có thể đặt lịch chiếu các bộ phim và các dịch vụ liên quan

3. Cách chức năng hoạt động thế nào (các usecase chi tiết)

3.1 Chức năng đặt vé xem phim cho khách hàng :

Sau khi khách hàng đăng nhập vào hệ thống. Khách hàng sẽ chọn một bộ phim đang trong khu “Đang khởi chiếu” ấn vào bộ phim mình muốn chọn.

- Giao diện trang chủ sẽ có danh sách các bộ phim “Đang khởi chiếu” và danh sách các bộ phim “Sắp khởi chiếu” và danh sách “Khuyến mãi”, navbar và footer.
 - “navbar” gồm danh sách các chức năng : vào xem các bộ phim đang khởi chiếu, xem lịch chiếu theo rạp, lịch chiếu phim, xem đồ ăn combo, xem các khuyến mãi, xem hệ thống rạp.
 - “Đang khởi chiếu” gồm danh sách các bộ phim đang được khởi chiếu trên cùng một hàng có thanh trượt để di chuyển.
 - “Sắp khởi chiếu” gồm danh sách các bộ phim sắp được khởi chiếu trên cùng một hàng có thanh trượt để di chuyển.
 - “Khuyến mãi” gồm danh sách các đồ ăn được khuyến mãi trên cùng một hàng có thanh trượt để di chuyển.

- “footer” : phần giới thiệu tổng quan về web

Sau khi click vào phim muốn chọn thì sẽ hiện ra màn hình chính có danh sách lịch chiếu hiện tại.

- Giao diện hiện lên bên trái bao gồm :
 - Bên trên : phía trên là phần thông tin giới thiệu về phim
 - Bên dưới : là lịch chiếu của bộ phim đó
- Giao diện hiện lên bên phải : một lịch chiếu khi ấn vào ngày nào sẽ hiện ra lịch chiếu ngày đó.

Sau khi chọn vào một lịch chiếu cụ thể thì sẽ hiện ra danh sách các ghế đã được chọn, chưa được chọn cho khách hàng đặt.

- Giao diện hiện lên bên trái :
 - Bên trên là thông tin của phim
 - Bên dưới là thông tin về ghế : các ghế nào đã đặt rồi có màu đỏ
- Giao diện bên phải là :
 - Số tiền đã đặt cho vé xem phim
 - Nút “tiếp” để chuyển sang bước sau

Sau khi ấn “tiếp” thì sẽ chuyển đến dịch vụ đồ ăn
- Giao diện hiện lên sẽ là danh sách các đồ ăn bên tay trái người dùng sẽ nhấn để thêm vào, bên phải là nút “tiếp” để chuyển sang trang sau .
- Sau khi người dùng ấn “tiếp” chuyển sang bước thanh toán.
- Giao diện hiện lên là thông tin các dịch vụ đã đặt, giá tiền và nút xác nhận.

Sau khi ấn xác nhận sẽ gửi mail về cho khách hàng.

3.2 Các chức năng thêm sửa xóa, xem phía backend:

3.2.1 Xem, thêm,xóa chức năng category

Người dùng chọn “category” trên thanh navbar.

- Giao diện hiện là danh sách các thể loại thêm, bên cạnh có nút xóa thể loại và bên trên có nút thêm mới.

Người dùng chọn chức năng xóa:

- + Hệ thống hiện lên và hỏi người dùng có chắc muốn xóa không. Người dùng chọn ‘có’ thực hiện và xóa danh mục.

Người dùng chọn chức năng thêm mới :

- + Hệ thống hiện lên giao diện tạo mới gồm ô nhập dữ liệu category. Nhập và ấn lưu sẽ thêm thể loại vào cơ sở dữ liệu

3.2.2 Xem thêm sửa xóa danh sách các rạp

Người dùng chọn “ Theater” trên thanh navbar.

- Giao diện hiện là danh sách các rạp thêm, bên cạnh có nút xóa rạp và bên trên có nút thêm mới.

Người dùng chọn chức năng xóa:

- + Hệ thống hiện lên và hỏi người dùng có chắc muốn xóa không. Người dùng chọn ‘có’ thực hiện và xóa rạp.

Người dùng chọn chức năng thêm mới :

- + Hệ thống hiện lên giao diện tạo mới gồm ô nhập dữ liệu các rạp. Nhập và ấn lưu sẽ thêm vào cơ sở dữ liệu

Người dùng chọn chức năng sửa

- + Hệ thống hiện lên các thông tin về rạp đã có. Người dùng sẽ thay đổi các thông tin muốn thay đổi và ấn lưu sau đó sẽ cập nhật vào cơ sở dữ liệu

3.2.3 Chức năng xem, thêm sửa xóa đồ ăn cho rạp phim

Người dùng chọn “FoodCombo” trên thanh navbar.

- Giao diện hiện là danh sách các đồ ăn cho rạp , bên cạnh có nút xóa đồ ăn và bên trên có nút thêm mới.

Người dùng chọn chức năng xóa:

- + Hệ thống hiện lên và hỏi người dùng có chắc muốn xóa không. Người dùng chọn ‘có’ thực hiện và xóa đồ ăn.

Người dùng chọn chức năng thêm mới :

- + Hệ thống hiện lên giao diện tạo mới gồm ô nhập dữ liệu các rạp. Sau đó sẽ tiến hành chọn rạp mà mình muốn thêm. Nhập và ấn lưu sẽ thêm vào cơ sở dữ liệu

Người dùng chọn chức năng sửa :

- + Hệ thống hiện lên các thông tin về rạp đã có. Người dùng sẽ thay đổi các thông tin muốn thay đổi và ấn lưu sau đó sẽ cập nhật vào cơ sở dữ liệu

3.2.4 Chức năng tạo mới phim và tạo mới lịch chiếu :

Người dùng chọn “Film” trên thanh navbar.

- Giao diện hiện là danh sách Film, bên cạnh có nút xóa đồ ăn và bên trên có nút thêm mới.

Người dùng chọn chức năng xóa:

- + Hệ thống hiện lên và hỏi người dùng có chắc muốn xóa không. Người dùng chọn ‘có’ thực hiện và xóa danh mục.

Người dùng chọn chức năng thêm mới :

- + Hệ thống hiện lên giao diện tạo mới gồm ô nhập dữ liệu các film. Nhập và ấn lưu sẽ thêm vào cơ sở dữ liệu

Người dùng chọn chức năng sửa :

- + Hệ thống hiện lên các thông tin về film đã có. Người dùng sẽ thay đổi các thông tin muốn thay đổi và ấn lưu sau đó sẽ cập nhật vào cơ sở dữ liệu

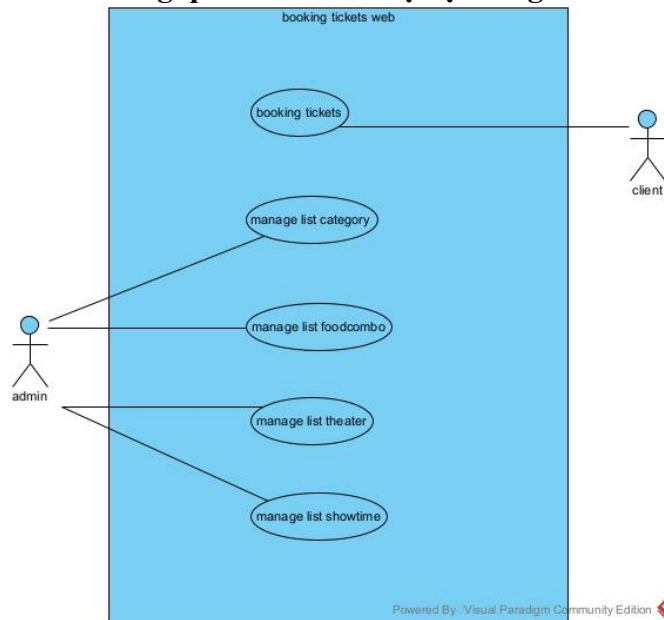
Người dùng chọn chức năng “Xem lịch chiếu” :

- + Hệ thống hiện lên là danh sách lịch chiếu bên cạnh là nút sửa, xóa lịch chiếu bên trên là nút thêm mới
- + Người dùng chọn nút sửa để sửa dữ liệu lịch chiếu

- + Người dùng chọn nút xóa để xóa dữ liệu lịch chiếu
- + Chọn nút thêm mới để thêm lịch chiếu

4. Mô tả biểu đồ usecase

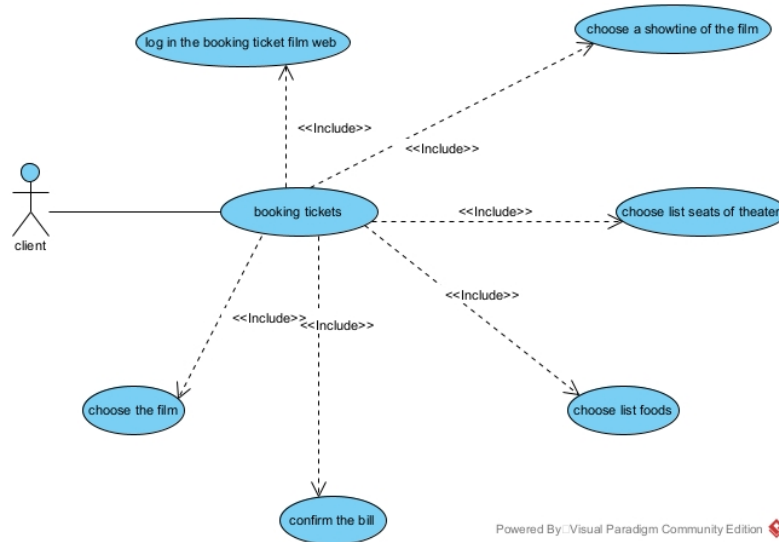
4.1 Usecase tổng quan cho toàn bộ hệ thống



- Diễn giải :
 - Các actor :
 - + Admin : quản trị viên hệ thống.
 - + Client : khách hàng vào web
 - Các usecase :
 - + Booking tickets : cho phép đặt vé xem phim
 - + Manage list category : quản lý danh sách danh mục
 - + Manage list foodcombo : quản lý danh sách đồ ăn có trong rạp
 - + Manage list theater : quản lý danh sách rạp phim
 - + Manage list showtime : quản lý danh sách các lịch chiếu của một bộ phim.
 - Hành động :
 - + Admin có thể tác động đến usecase Manage list category
 - + Admin có thể tác động đến usecase Manage list foodcombo
 - + Admin có thể tác động đến usecase Manage list theater
 - + Admin có thể tác động đến usecase Manage list showtime
 - + Client có thể tác động đến usecase Booking tickets

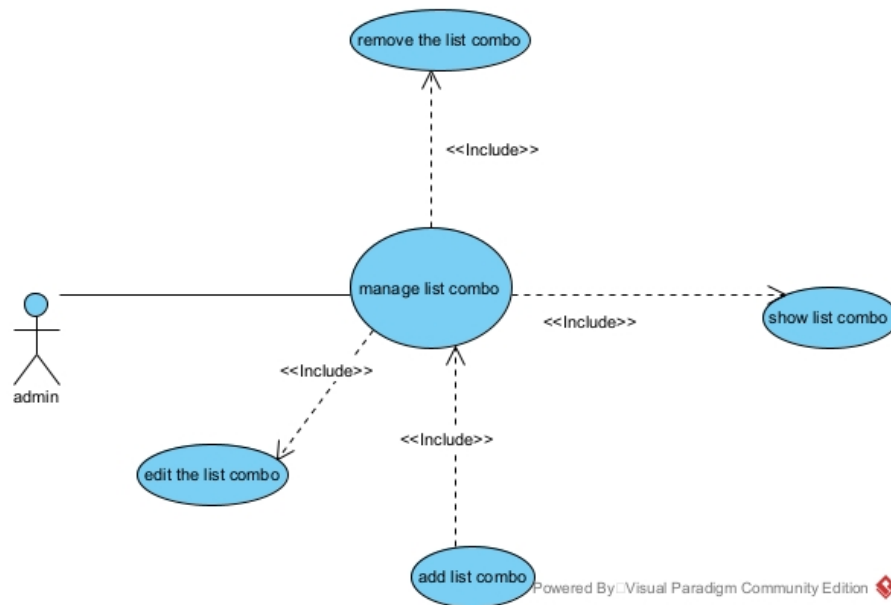
4.2 Usecase chi tiết cho từng usecase con

4.2.1 Modul booking tickets



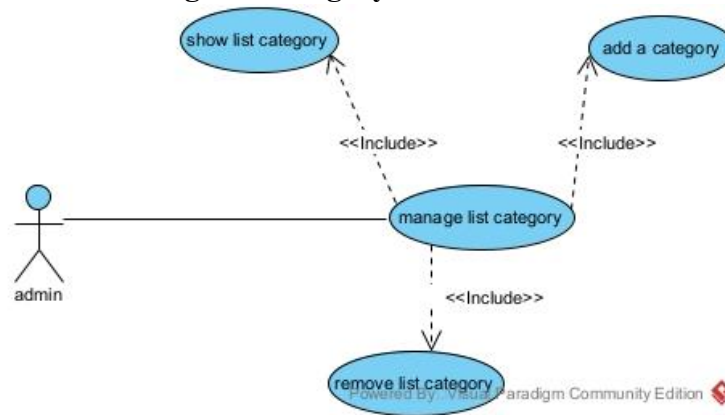
- Actor :
 - Client : khách hàng đang muốn đặt vé trong trang vé
- Usecase chính :
 - Booking tickets : chức năng giúp người dung có thể đặt vé.
- Các usecase con :
 - Log in the booking tickets film web : đăng nhập vào hệ thống đặt vé xem phim
 - Choose the film : chức năng chọn bộ phim
 - Confirm the bill : xác nhận đặt vé
 - Choose a showtime of the film : chọn một lịch chiếu phim trong danh sách lịch chiếu
 - Choose list seats of theater : chọn ghế trong rạp muốn chọn
 - Choose list foods : chọn các đồ ăn
- Môi quan hệ của các use case :
 - Quan hệ của choose the film với booking tickets là include
 - Quan hệ của confirm the bill với booking tickets là include
 - Quan hệ của choose a showtime of the film với booking tickets là include
 - Quan hệ của choose list foods với booking tickets là include
 - Quan hệ của log in the booking ticket film web và booking tickets là include
 - Quan hệ của choose list of seats với booking tickets là include.

4.2.2 Modul manage list combo :



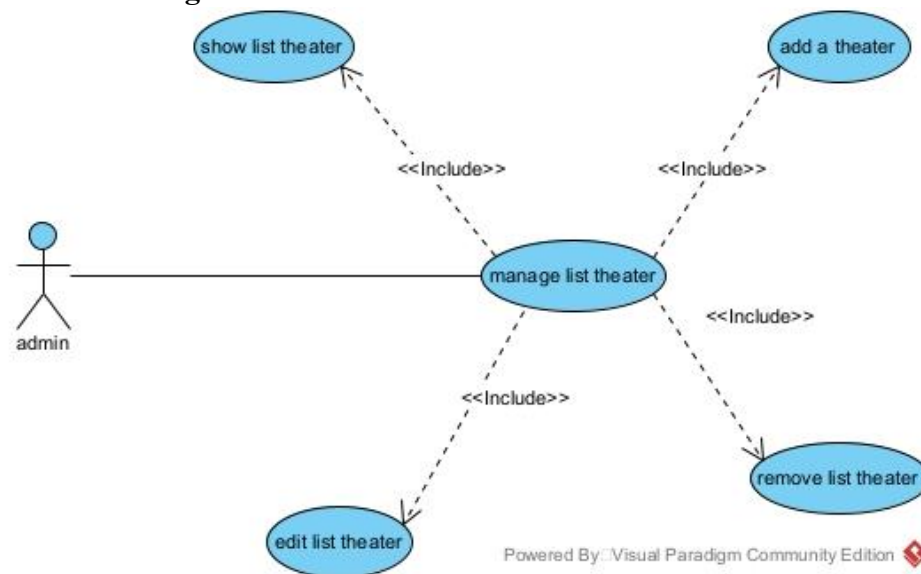
- Actor :
 - Admin : nhân viên quản trị có thể thêm sửa xoá các chức năng
- Usecase chính :
 - Manage list combo : quản lý các chức năng liên quan đến combo đồ ăn
- Các usecase con :
 - Edit the list combo : sửa danh sách combo
 - Add list combo : thêm danh sách combo.
 - Show list combo : hiển thị danh sách list combo
 - Remove the list combo : xoá danh sách combo
- Mối quan hệ giữa các use case :
 - Manage list combo với edit the list combo là include
 - Manage list combo với add list combo là include
 - Manage list combo với show list combo là include
 - Manage list combo với remove the list combo là include

4.2.3 Module manage list category :



- Actor :
 - Admin : nhân viên quản trị hệ thống
- Usecase chính :
 - Manage list category : quản lý chức năng liên quản thể loại phim
- Các usecase con :
 - Show list category : hiển thị các category
 - Add a category : thêm một danh mục mới
 - Remove list category : xoá một danh mục mới.
- Mối quan hệ của các usecase :
 - Mối quan hệ của manage list category và Show list category là include
 - Mối quan hệ của manage list category và Add a category là include
 - Mối quan hệ của manage list category và Remove list category là include

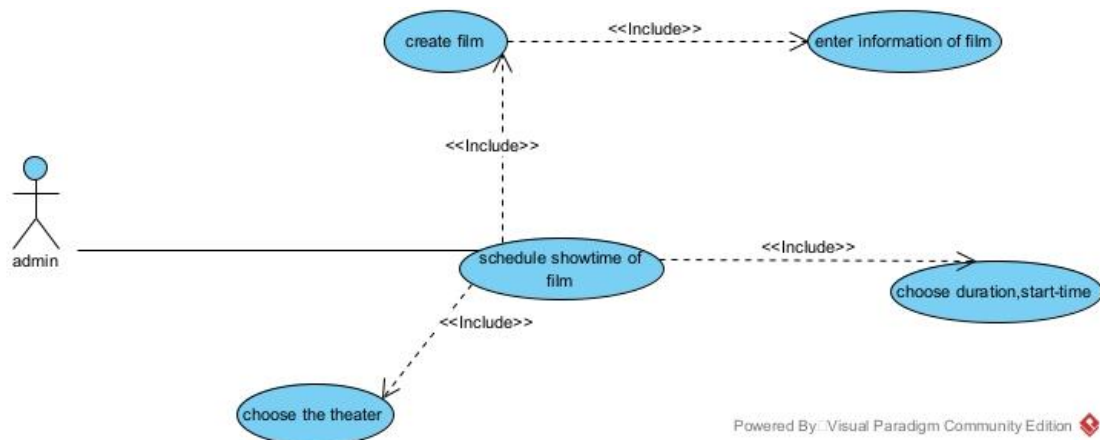
4.2.4 Module manage list theater :



- Actor :
 - Admin : nhân viên quản trị
- Usecase chính :

- Manage list theater : quản lý danh sách theater;
- Các usecase con :
 - Edit a theater : sửa một rạp phim
 - Add a theater : thêm một rạp phim
 - Show list theater: xem danh sách rạp phim
 - Remove a theater : xoá một phim
- Mối quan hệ của các usecase :
 - Mối quan hệ của Manage list theater và Edit a theater là include
 - Mối quan hệ của Manage list theater và Add a theater là include
 - Mối quan hệ của Manage list theater và Show list theater là include
 - Mối quan hệ của Manage list theater và Remove a theater là include

4.2.5 Quản lý phim và lịch chiếu của các bộ phim đó.



- Actor chính :
 - Admin : nhân viên quản trị
- Usecase chính ;
 - Schedule showtime of film : lên lịch chiếu cho bộ phim
- Các usecase con :
 - Create film : tạo một bộ phim mới
 - Enter information of film : nhập các thông tin của film
 - Choose the theater : chọn rạp
 - Choose the duration,start time chọn thời gian chiếu và thời lượng
- Mối quan hệ của các usecase :
 - Mối quan hệ của schedule showtime of film và choose the theater là include
 - Mối quan hệ của schedule showtime of film và Choose the duration,start time là include
 - Mối quan hệ của schedule showtime of film Enter information of film là include
 - Mối quan hệ của Enter information of film và Create film là include.

5. Kịch bản chuẩn và ngoại lệ

5.1 Kịch bản chuẩn cho modul đặt vé của khách hàng

Actor	Client : khách hàng sử dụng web
Pre-condition	Khách hàng có quyền đăng nhập vào hệ thống
Post-condition	Khách hàng đặt vé thành công
Main events	<ol style="list-style-type: none">1. Khách hàng nhập username, password vào khu vực login2. Hệ thống báo đăng nhập thành công và hiển thị trang home.<ul style="list-style-type: none">+ bên trên là thanh navbar(chuyển các+ phía dưới là header+ bên dưới header là các phim đang được khởi chiếu xếp thành một hàng có slide bar trượt+ bên dưới là các phim sắp khởi chiếu người xem có thể xem trailer+ tiếp theo là khu vực khuyến mãi+ footer ở cuối trang3. Người dùng chọn một bộ phim trong khu đang được khởi chiếu4. Hệ thống hiện lên giao diện gồm các lịch chiếu bộ phim vừa được chọn<ul style="list-style-type: none">+ bên trái là danh sách lịch chiếu+ bên phải là lịch để chọn ngày5. Người dùng chọn lịch chiếu xong. Và ấn click vào lịch chiếu muốn chọn6. Hệ thống hiện lên giao diện chọn ghế .<ul style="list-style-type: none">+ bên trái là các ghế. Nếu ghế nào đã được chọn thì sẽ có màu đỏ và không thể chọn được.+ bên phải là giá tiền ứng với các ghế đã được chọn và nút “ tiếp” .7. Người dùng chọn ghế và ấn tiếp8. Hệ thống hiện lên danh sách đồ ăn,

	<p>+ danh sách đồ ăn được ở bên trái và có nút cho người dùng chọn</p> <p>+ bên phải là tổng tiền và nút “tiếp”</p> <p>9. Người dùng chọn đồ ăn và ấn tiếp</p> <p>10. Giao diện hiện lên là tổng số đồ ăn và ghế, tổng giá tiền và nút thanh toán</p> <p>11. Người dùng xác nhận thanh toán</p> <p>12. Hệ thống hiện lên hỏi người dùng có muốn thanh toán hay không</p> <p>13. Người dùng xác nhận</p> <p>14. Hệ thống thông báo thành công và hiển thị mail về cho người dùng.</p>
Exception	<p>2. hệ thống báo đăng nhập không thành công</p> <p>2.1 người dùng nhập sai username password</p> <p>2.1.1 người dùng nhập lại username, password</p> <p>2.1.2 hệ thống đăng nhập thành công</p> <p>2.2 người dùng quên username, password</p> <p>2.2.1 người dùng chọn chức năng quên mật khẩu, và nhập email vào</p> <p>2.2.2 hệ thống thông báo cho người dùng vào email để lấy lại mật khẩu</p> <p>2.2.3 người dùng check và đăng nhập hệ thống thành công</p> <p>6. hệ thống hiện lên danh sách ghế nhưng không còn ghế nào trống.</p> <p>6.1 người dùng lựa chọn bộ phim ở rạp khác hoặc chọn bộ phim khác.</p>

5.2 Kịch bản chuẩn cho usecase thêm lịch chiếu

Actor	Admin nhân viên quản trị
Pre-condition	Nhân viên quản trị đăng nhập vào hệ thống

Post-condition	Nhân viên quản trị thành công tạo mới lịch chiếu
Main events	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nhân viên quản trị đăng nhập vào hệ thống 2. Hệ thống hiện lên màn hình dành cho nhân viên quản trị 3. Nhân viên quản trị chọn vào chức năng “quản lý phim” trên thanh navbar 4. Hiện thị danh sách các bộ phim <ul style="list-style-type: none"> + giao diện hiện lên là danh sách bộ phim cùng với các hành động “ xem lịch chiếu”, “sửa”, “ xoá” 5. Người dùng chọn chức năng “ xem lịch chiếu”. 6. Hệ thống hiện lên danh sách các lịch chiếu, phía trên là nút thêm mới 7. Người dùng ấn nút thêm mới. 8. Hệ thống hiện lên một popup: <ul style="list-style-type: none"> + phía trên là lựa chọn khung giờ chiếu + bên dưới là lựa chọn rạp chiếu. 9. Người dùng chọn giờ chiếu và rạp chiếu và ấn click save 10. Hệ thống thông báo thêm thành công lịch chiếu mới.
Exception	<p>4. hệ thống không hiển thị danh sách phim nào cả do chưa có bộ phim nào cả do đó người dùng không thể dùng chức năng “xem lịch chiếu”</p> <p>4.1 người dùng tiến hành ấn thêm mới bộ phim</p> <p>4.2 hệ thống hiện lên giao diện gồm</p> <ul style="list-style-type: none"> + trường tên phim + trường thời lượng + trường ảnh + trường link video trainer + trường tên đạo diễn + trường diễn viên + trường lưu ý

	+trường thể loại 4.3 người dùng ấn và nhập đầy đủ các trường 4.4 hệ thống thông báo tạo thêm phim thành công.
--	---

5.3 Kịch bản chuẩn cho usecase quản lý category

Actor	Admin : nhân viên quản trị hệ thống
Pre-condition	Admin có quyền đăng nhập vào hệ thống
Post-condition	Admin thực hiện xong các chức năng liên quan đến quản lý category
Main events	<ol style="list-style-type: none"> 1. Admin đăng nhập vào hệ thống 2. Hệ thống hiện lên là một thanh navbar có các chức năng của admin 3. Người dùng chọn vào chức năng “thể loại” 4. Hệ thống hiện lên danh sách các thể loại. Tại đây người dùng có thể thực hiện các chức năng thêm, sửa, xoá danh mục. 5. Người dùng chọn chức năng thêm mới 6. Hệ thống hiện lên thanh pop-up để nhập dữ liệu 7. Người dùng nhập và ấn enter 8. Hệ thống thông báo thành công 9. Admin chọn chức năng sửa 10. Hệ thống hiện lên thanh pop-up và các thông tin trước đó 11. Người dùng chọn sửa lại các thông tin cần thiết và ấn lưu 12. Hệ thống thông báo thành công 13. Người dùng chọn chức năng xoá 14. Hệ thống hỏi xác nhận các có xoá chức năng không 15. Người dùng xác nhận 16. Hệ thống hiển thị thông báo thành công xoá một danh mục

Exception	15. Người dùng không ấn xác nhận 15.1 Hệ thống thoát khỏi chức năng xoá
-----------	--

5.4 Kịch bản chuẩn cho usecase quản lý theater

Actor	Nhân viên quản trị (admin)
Pre-condition	Nhân viên quản trị có chưa đăng nhập hệ thống
Post-condition	Nhân viên quản trị thực hiện thành công chức năng theater
Main events	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nhân viên quản trị thực hiện đăng nhập vào hệ thống 2. Hệ thống hiện lên thanh navbar với các chức năng của admin 3. Admin chọn vào chức năng “ quản lý rạp phim” 4. Hệ thống hiện lên trang quản lý rạp phim với danh sách các rạp phim 5. Hệ thống cho phép thực hiện các chức năng “thêm”, “sửa”, “ xoá” các rạp phim 6. Admin chọn chức năng “ thêm” 7. Hệ thống hiển thị lên giao diện một pop-up gồm các trường thông tin cần nhập của thêm rạp 8. Admin nhập các thông tin cần thiết và ấn lưu 9. Hệ thống hiển thị thành công 10. Admin chọn chức năng “xoá” 11. Hệ thống hiện lên thông báo có chắc chắn muốn xoá không 12. Admin chọn có 13. Hệ thống xác nhận xoá thành công 14. Admin chọn chức năng “ chỉnh sửa” 15. Hệ thống hiện lên rạp phim với các thông tin trước đó 16. Admin thay đổi và ấn lưu 17. Hệ thống thông báo thành công

5.5 Kịch bản chuẩn cho usecase quản lý foodcombo

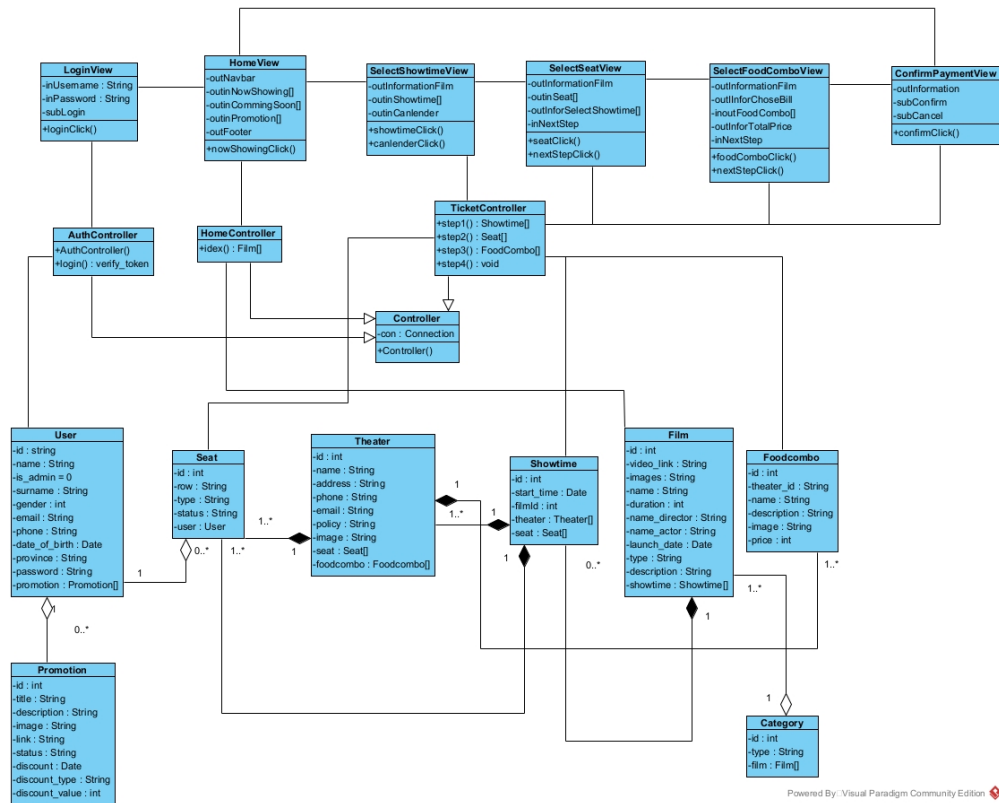
Actor	Admin : nhân viên quản trị hệ thống
Pre-condition	Admin chưa đăng nhập hệ thống
Post-condition	Admin thực hiện thành công các chức năng của quản lý foodcombo
Main events	<ol style="list-style-type: none">1. Nhân viên đăng nhập vào hệ thống2. Hệ thống hiện lên giao diện trang quản lý3. Người dùng chọn chức năng “ quản lý đồ ăn”4. Hệ thống hiện thị các danh sách đồ ăn5. Hệ thống cho phép thực hiện các chức năng “thêm”, “sửa”, “ xoá” các đồ ăn6. Admin chọn chức năng “ thêm”7. Hệ thống hiển thị lên giao diện một pop-up gồm các trường thông tin cần nhập của thêm đồ ăn.8. Admin nhập các thông tin cần thiết và ấn lưu.9. Hệ thống hiển thị thành công10. Admin chọn chức năng “xoá”11. Hệ thống hiện lên thông báo có chắc chắn muốn xoá không12. Admin chọn có13. Hệ thống xác nhận xoá thành công14. Admin chọn chức năng “ chỉnh sửa”15. Hệ thống hiện lên đồ ăn với các thông tin trước đó16. Admin thay đổi và ấn lưu17. Hệ thống thông báo thành công

❖ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

1. Lớp thiết kế cho từng usecase

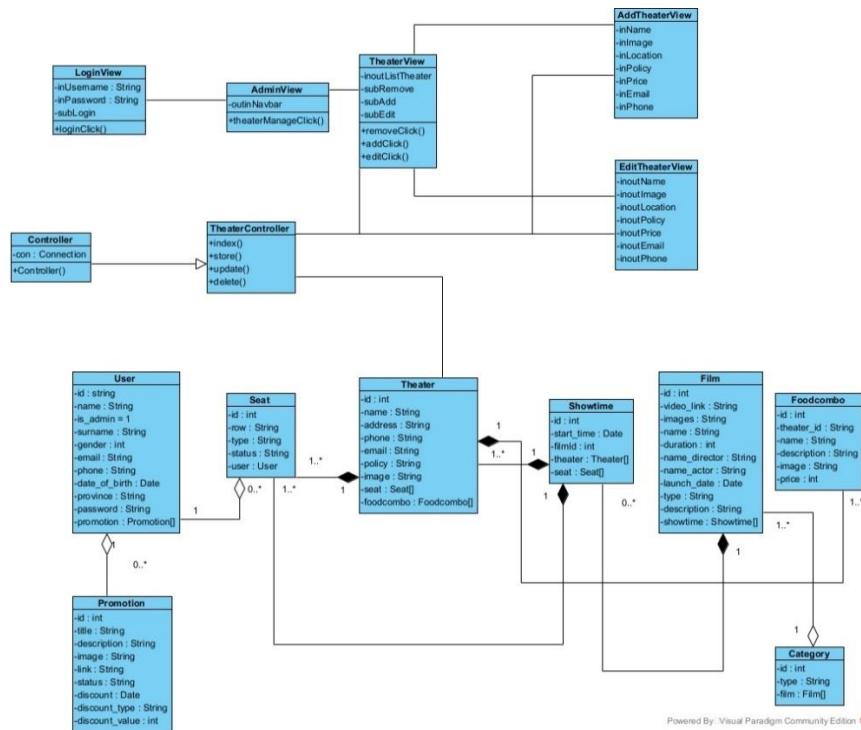
a. Lớp thiết kế cho module đặt vé của khách hàng

- loginView : kiểm tra đăng nhập vào hệ thống
 - thực hiện hàm login()
 - input (username,password)
 - output : verify-token
 - gán cho lớp User
- Homeview : hiển thị trang home
 - Thực hiện hàm index()
 - Input() : thực hiện chọn vào một bộ phim
 - Output : hiển thị trang SelectShowtimeView
 - Gán cho lớp Film
- SelectShowtimeView : hiển thị trang chọn phim chiếu
 - Thực hiện hàm step1()
 - Input đầu vào lịch chiếu và ngày tương ứng
 - Tham số đầu ra : hiển thị trang SelectSeatView
 - Gán cho lớp Showtime
- SelectSeatView : hiển thị các hàng ghế
 - Thực hiện hàm step2()
 - Tham số đầu vào là dữ liệu trang bộ phim được chọn
 - Output hiện ra là dữ liệu các hàng ghế
 - Gán cho lớp Seat
- SelectFoodComboView : hiển thị trang đồ ăn :
 - Thực hiện hàm step3()
 - Tham số đầu vào là dữ liệu đồ ăn đã chọn
 - Output là dữ liệu hiện trang ConfirmPaymentView
 - Gán cho lớp FoodCombo
- confirmPaymentview : hiển thị giao diện trang confirm
 - thực hiện hàm step4()
 - tham số đầu vào là các đồ ăn, lịch chiếu, giá đã chọn
 - output :



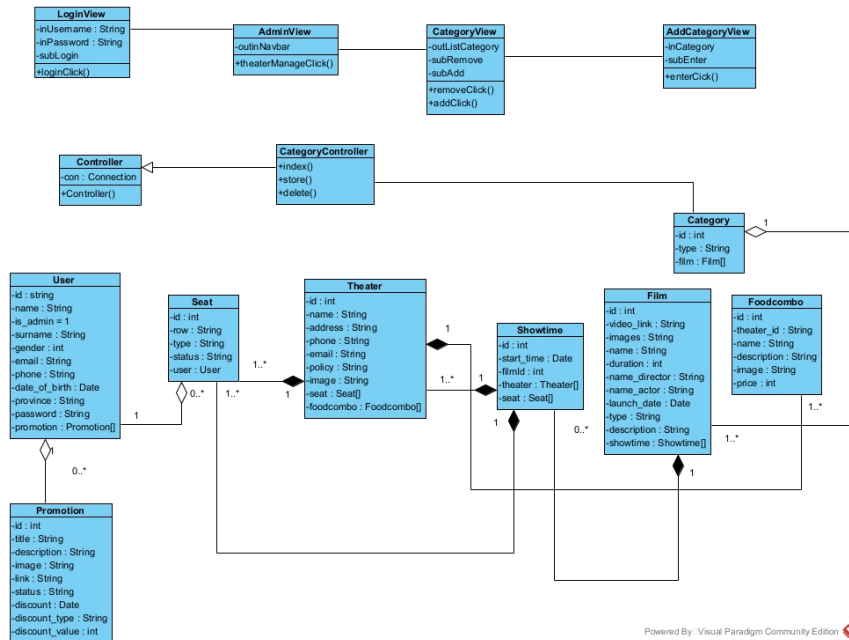
b. Thiết kế chi tiết cho module quản lý rạp phim

- LoginView : kiểm tra xem đã đăng nhập được chưa
- Adminview : hiển thị ra giao diện admin
- TheaterView : hiển thị giao diện xem theater
 - Thực hiện hàm index() : hiển thị toàn bộ theater
 - Input :
 - Output : một danh sách theater
 - Gán cho lớp thực thể theater
 - Có thể thực hiện hàm delete() để xóa một theater
- AddTheaterView : hiển thị giao diện trang thêm mới theater
 - Thực hiện hàm store() : để thêm mới một theater
 - Input : dữ liệu theater cần tạo mới
 - Output : là danh sách theater mới sau khi thêm
 - Gán cho lớp thực thể theater
- EditTheaterView : hiển thị giao diện trang sửa theater
 - Thực hiện hàm update() : để cập nhật một theater
 - Input : dữ liệu theater cần cập nhật
 - Output : danh sách theater mới sau khi cập nhật
 - Gán cho lớp thực thể theater



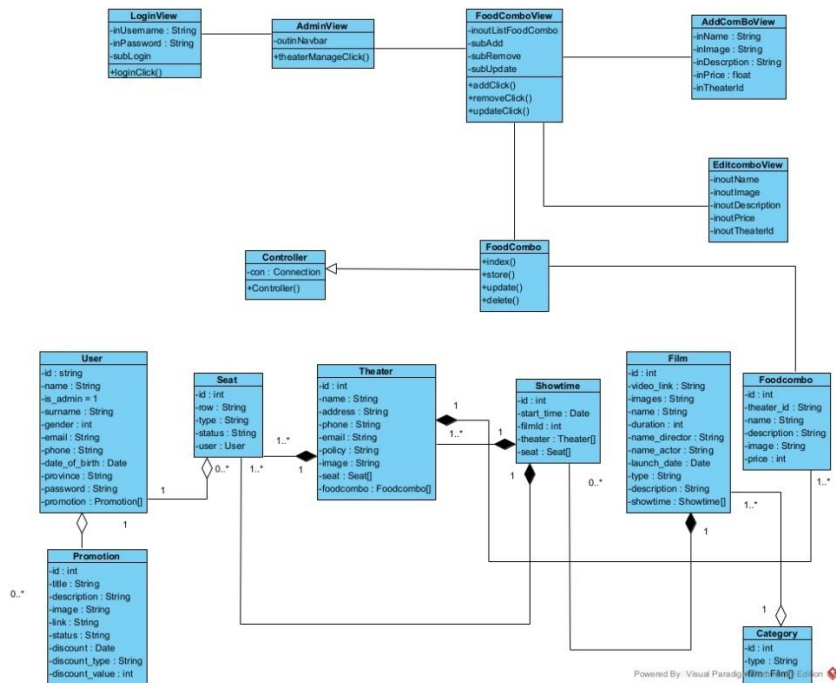
c. Thiết kế lớp chi tiết cho module quản lý category

- Viết tiếp vào đây như quản lý theater
- Ffff



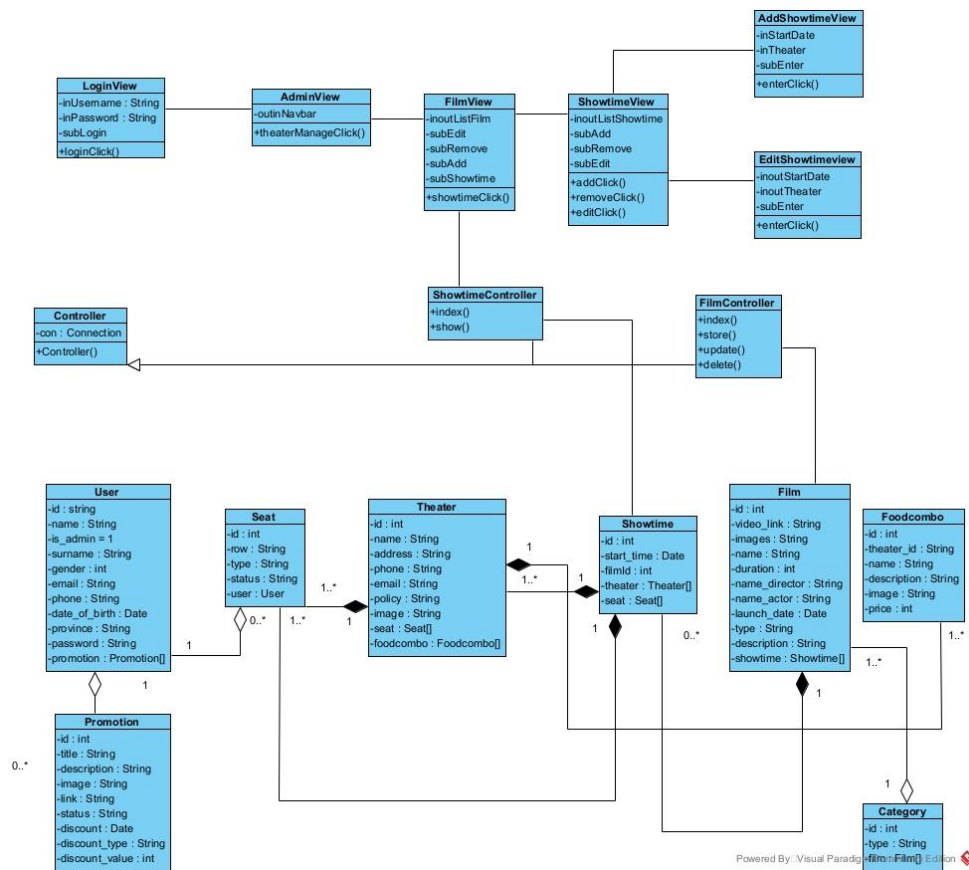
d. Thiết kế lớp chi tiết cho module quản lý foodcombo

- Viết tiếp vào đây như quản lý theater
- Ffff



e. Thiết kế lớp chi tiết cho module lên lịch chiếu :

- Viết tiếp vào đây như quản lý theater
 - Fffff



2. **Thiết kế sơ đồ tuần tự cho từng module**
 - a. **Thiết kế sơ đồ tuần tự đặt vé của khách hàng**
 - b. **Thiết kế sơ đồ tuần tự module quản lý rạp phim**
 - c. **Thiết kế sơ đồ tuần tự module quản lý category**
 - d. **Thiết kế sơ đồ tuần tự module quản lý foodcombo**
 - e. **Thiết kế sơ đồ tuần tự cho module lên lịch chiếu**
3. **Thiết kế database cho project**